

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2023/HNGĐ-ST
Ngày 27-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Luân**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Minh Trọn**

Bà **Phạm Hồng Ân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Châu Sơn Ca** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thúy Nhị** - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 338/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Hồng D**, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C.

Bị đơn: Anh **Trần Phan Thanh L**, sinh năm: 1991 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã P, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02/8/2022 nguyên đơn chị Phạm Hồng D trình bày:

Chị Phạm Hồng D và anh Trần Phan Thanh L thành hôn với nhau năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C. Trong thời gian chung sống chị D và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hây cãi nhau, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nay. Chị D yêu cầu được ly hôn với anh L. Chị Phạm Hồng D và anh Trần Phan Thanh L có 01 người con chung tên Trần Phạm Nhất P, sinh ngày 18/8/2021 chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, tự thỏa thuận; nợ chung, không có không yêu cầu Tòa án xem xét

giải quyết.

Đối với bị đơn anh Trần Phan Thanh L trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đối với anh Trần Phan Thanh L nhưng anh L vẫn vắng mặt và không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Vụ án từ khi thụ lý đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Về nội dung đề nghị: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Hồng D. Con chung tên Trần Phạm Nhất P, sinh ngày 18/8/2021 giao cho chị D nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Trần Phan Thanh L có nơi cư trú tại huyện T, nguyên đơn chị Phạm Hồng D khởi kiện xin ly hôn với anh Trần Phan Thanh L nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai đối với anh Trần Phan Thanh L nhưng anh L vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định.

[2] Xét về hôn nhân: Chị Phạm Hồng D và anh Trần Phan Thanh L thành hôn với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C. Được thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 191/2015 ngày 10/12/2015 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh C cấp, đúng theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Phạm Hồng D và anh Trần Phan Thanh L được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo nguyên đơn chị D trình bày trong thời gian chung sống chị D và anh L phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau, vợ chồng sống ly thân khoảng 01 năm nay, chị D yêu cầu được ly hôn với anh L. Anh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Phạm Hồng D và anh Trần Phan Thanh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Xét về con chung: Chị Phạm Hồng D và anh Trần Phan Thanh L có 01 người con chung tên Trần Phạm Nhất P, sinh ngày 18/8/2021 chị D đang nuôi dưỡng, chị D yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, Từ khi chị D và anh L ly thân đến nay cháu Trần Phạm Nhất P do chị D trực tiếp nuôi dưỡng và hiện nay cháu P còn nhỏ cần sự chăm

sóc nuôi dưỡng của chị D. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao Trần Phạm Nhất P, sinh ngày 18/8/2021 cho chị D nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Xét về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Xét về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Xét về án phí: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Hồng D, chị D được ly hôn với anh Trần Phan Thanh L.

Về con chung: Giao Trần Phạm Nhất P, sinh ngày 18/8/2021 cho chị D nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh L có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở anh L thực hiện quyền này.

Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình chị Phạm Hồng D phải chịu 300.000 đồng, chị D có nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018288 ngày 13/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh C được chuyển thu.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKS cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Phú Tân;
- UBND nơi cấp GCNKH;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Lưu.

Võ Minh Luân